

KÝ HIỆU

HIỆN TRẠNG QUY HOẠCH

CÁI TẠO

NGÃN HẠN

DÀI HẠN

ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

ĐẤT TRỤ SỞ CƠ QUAN

ĐẤT HỖN HỢP (DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI, VĂN PHÒNG - SHOPHOUSE)

ĐẤT TRƯỜNG HỌC

ĐẤT ĐƠN VỊ Ở

ĐẤT CÂY XANH, CÔNG VIÊN VUI CHƠI GIẢI TRÍ

ĐẤT THỂ DỤC THỂ THAO

ĐẤT DU LỊCH

ĐẤT TIÊU CÔNG NGHIỆP

ĐẤT NGHĨA TRANG, CƠ SỞ TANG LỄ

ĐẤT TÔN GIÁO, DI TÍCH

ĐẤT NÔNG NGHIỆP

ĐẤT CÔNG TRÌNH ĐẦU MỐI HẠ TẦNG

ĐẤT DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN

MẶT NƯỚC

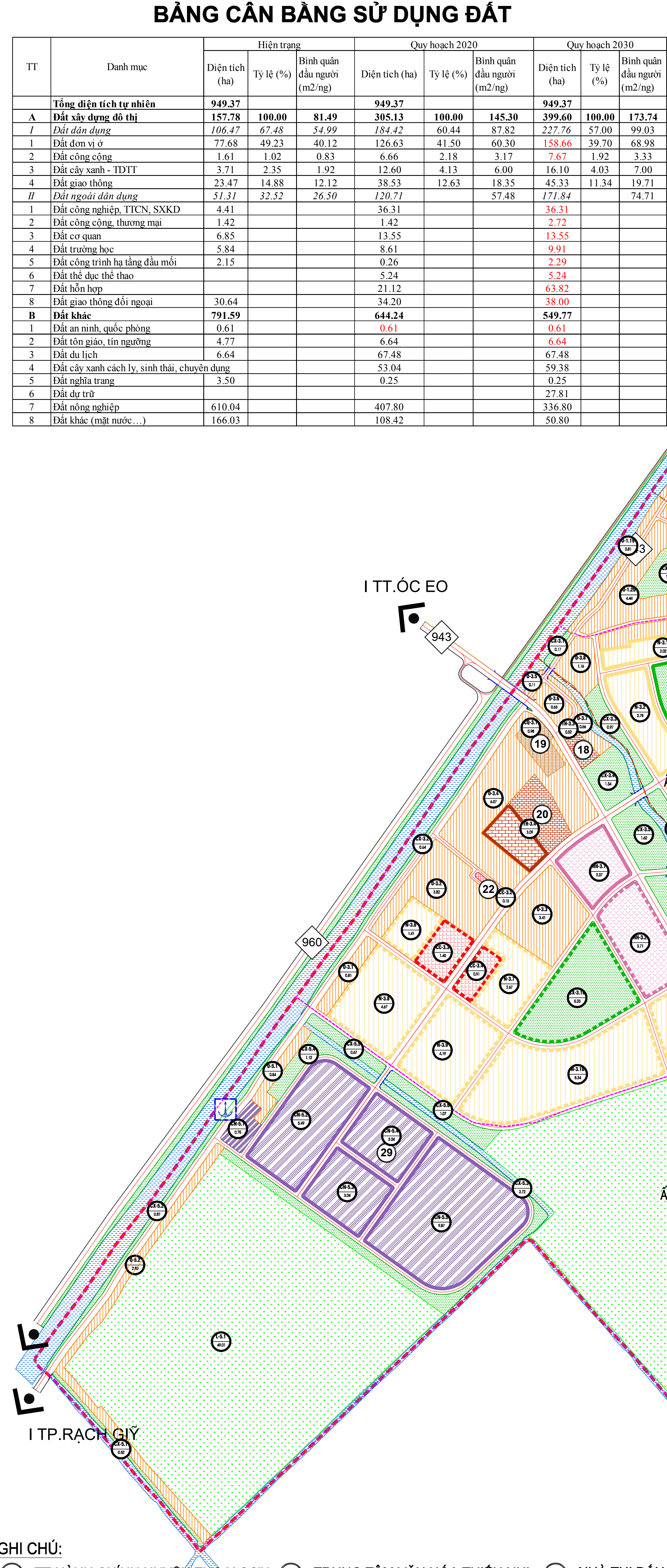
RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH

RANH GIỚI PHÂN KHU

RANH GIỚI ẤP

BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

TT	Danh mục	Hiện trạng			Quy hoạch 2020			Quy hoạch 2030		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Bình quân đầu người (m2/ng)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Bình quân đầu người (m2/ng)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Bình quân đầu người (m2/ng)
	Tổng diện tích tự nhiên	949.37			949.37			949.37		
A	Đất xây dựng đô thị	157.78	100.00	81.49	305.13	100.00	145.30	399.60	100.00	173.74
I	Đất dân dụng	106.47	67.48	54.99	184.42	60.44	87.82	227.76	57.00	99.03
1	Đất đơn vị ở	77.68	49.23	40.12	126.63	41.50	60.30	158.66	39.70	68.98
2	Đất công cộng	1.61	1.02	0.83	6.66	2.18	3.17	7.67	1.92	3.33
3	Đất cây xanh - TDTT	3.71	2.35	1.92	12.60	4.13	6.00	16.10	4.03	7.00
4	Đất giao thông	23.47	14.88	12.12	38.53	12.63	18.35	45.33	11.34	19.71
II	Đất ngoài dân dụng	51.31	32.52	26.50	120.71		57.48	171.84		74.71
1	Đất công nghiệp, TTCN, SXKD	4.41			36.31			36.31		
2	Đất công cộng, thương mại	1.42			1.42			2.72		
3	Đất cơ quan	6.85			13.55			13.55		
4	Đất trường học	5.84			8.61			9.91		
5	Đất công trình hạ tầng đầu mối	2.15			0.26			2.29		
6	Đất thể dục thể thao				5.24			5.24		
7	Đất hỗn hợp				21.12			63.82		
8	Đất giao thông đối ngoại	30.64			34.20			38.00		
B	Đất khác	791.59			644.24			549.77		
1	Đất an ninh, quốc phòng	0.61			0.61			0.61		
2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	4.77			6.64			6.64		
3	Đất du lịch	6.64			67.48			67.48		
4	Đất cây xanh cách ly, sinh thái, chuyển dụng				53.04			59.38		
5	Đất nghĩa trang	3.50			0.25			0.25		
6	Đất dự trữ							27.81		
7	Đất nông nghiệp	610.04			407.80			336.80		
8	Đất khác (mặt nước...)	166.03			108.42			50.80		



- GHI CHÚ:

1 TT HÀNH CHÍNH HUYỆN THOẠI SƠN

2 TRƯỜNG TIỂU HỌC A NÚI SẬP

3 TRƯỜNG TIỂU HỌC B NÚI SẬP

4 KHU DU LỊCH HỒ ÔNG THOẠI

5 CÔNG AN HUYỆN THOẠI SƠN

6 TRƯỜNG MẦM NON NÚI SẬP

7 TRUNG TÂM VĂN HÓA THIẾU NHI

8 TÒA ÁN HUYỆN THOẠI SƠN

9 ĐÀI TƯỜNG NIỆM LIỆT SĨ

10 CHỢ THOẠI SƠN

11 VIỆN KIỂM SOÁT

12 TRƯỜNG MẦM NON TT NÚI SẬP

13 NHÀ THI ĐẤU HUYỆN THOẠI SƠN

14 THOẠI SƠN CÔ TỰ - ĐỀN THẦN THOẠI NGỌC HẦU

15 CHI CỤC THUẾ THOẠI SƠN

16 TRƯỜNG THPT NGUYỄN VĂN THOẠI

17 TRƯỜNG TIỂU HỌC B NÚI SẬP

18 TRƯỜNG THCS NÚI SẬP

19 HUYỆN ỦY THOẠI SƠN

20 TT DẠY NGHỀ H.THỌẠI SƠN

21 CÔNG VIÊN VĂN HÓA 1-5

22 CHỢ TÂY SƠN

23 ĐIỆN LỰC THOẠI SƠN

24 NHÀ THỜ THỊ TRẦN NÚI SẬP

25 XÍ NGHIỆP ĐIỆN NƯỚC

26 TRƯỜNG TH "C" TT NÚI SẬP

27 NHÀ HÀNG, KHÁCH SẠN PHỤNG HOÀNG

28 BẾN XE

29 CỤM TTCN NAM NÚI SẬP

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Kiểm theo quyết định số..... ngày..... tháng..... năm.....

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH VÀ TRÌNH PHÉ DUYỆT:

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG

Kiểm theo công văn số..... ngày..... tháng..... năm.....

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP VÀ TRÌNH PHÉ DUYỆT:

PHÒNG KINH TẾ - HẠ TẦNG HUYỆN THOẠI SƠN

Kiểm theo tờ trình số..... ngày..... tháng..... năm.....

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG THỊ TRẤN N I SẬP ĐẾN NĂM 2030

TÊN BẢN VẼ:

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ PHÂN KHU CHỨC NĂNG ĐÔ THỊ THEO CÁC GIAI ĐOẠN QUY HOẠC

BẢN VẼ: QH 04

THỂ HIỆN

THIẾT KẾ

CHỦ NHIỆM

GIÁM ĐỐC TT

Q.L. KỸ THUẬT

Q.VIỆN TRƯỞNG

LƯU ĐỐC CƯỜNG

GHÉP: 1A0

KTS. NGUYỄN TUẤN HOÀNG LONG

THS.KTS. NGUYỄN ANH TUẤN

THS.KTS. LÊ ANH DŨNG

THS.KTS. LÊ KIỀU THANH

TỶ LỆ: 1/5000

NGÀY: 07/2017

BỘ XÂY DỰNG

VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN QUỐC GIA

TRUNG TÂM QUY HOẠCH XÂY DỰNG 3

10 LƯU XA HƯ - HỒ HỒN - TỈNH - DUYỆT VÀ CHẤM DẤU